

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHƯA HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2,246,527,739,405	2,412,087,504,715
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V1	536,232,965,601	568,365,071,697
1 Tiền		111		289,132,965,601	234,495,071,697
2 Các khoản tương đương tiền		112		247,100,000,000	333,870,000,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		590,918,436,319	745,637,977,429
1 Đầu tư ngắn hạn		121	V2	706,972,199,042	858,300,882,680
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V3	(116,053,762,723)	(112,662,905,251)
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		986,840,718,775	1,021,206,469,105
1 Phải thu khách hàng		131	V4	300,154,920,407	312,375,504,590
2 Trả trước cho người bán		132	V5	70,219,388,151	69,967,162,297
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5 Các khoản phải thu khác		135	V6	623,299,815,528	656,697,207,529
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V7	(6,833,405,311)	(17,833,405,311)
IV Hàng tồn kho		140		27,238,751,115	23,904,542,399
1 Hàng tồn kho		141		27,238,751,115	23,904,542,399
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		105,296,867,595	52,973,444,085
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V8	2,053,742,992	2,085,309,238
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		14,044,551,954	4,217,145,334
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác		158	V9	89,198,572,649	46,670,989,513

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4,005,368,105,261	3,741,601,429,148
I Các khoản phải thu dài hạn		210		37,000,000,000	37,000,000,000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác		218	V10	37,000,000,000	37,000,000,000
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II Tài sản cố định		220		464,471,085,028	410,274,919,094
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V11	394,790,561,441	332,299,069,202
<i>Nguyên giá</i>		222		1,027,844,436,583	936,303,887,583
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(633,053,875,142)	(604,004,818,381)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224	V12	26,856,862,019	14,392,730,508
<i>Nguyên giá</i>		225		29,005,337,261	14,592,547,596
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		(2,148,475,242)	(199,817,088)
3 Tài sản cố định vô hình		227	V13	3,870,907,910	4,455,022,466
<i>Nguyên giá</i>		228		11,458,486,153	11,458,486,153
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(7,587,578,243)	(7,003,463,687)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V14	38,952,753,658	59,128,096,918
III Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		3,423,189,284,741	3,223,196,141,038
1 Đầu tư vào công ty con		251	V15	2,534,095,749,428	2,310,538,249,428
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V16	732,399,791,279	727,075,791,280
3 Đầu tư dài hạn khác		258	V17	356,472,332,000	382,905,332,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V18	(199,778,587,966)	(197,323,231,670)
V Tài sản dài hạn khác		260		80,707,735,492	71,130,369,016
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	V19	13,667,789,640	4,994,473,164
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		16,069,763,352	16,069,763,352
3 Tài sản dài hạn khác		268	V20	50,970,182,500	50,066,132,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		6,251,895,844,666	6,153,688,933,863

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1,802,715,005,060	1,533,456,870,586
I Nợ ngắn hạn		310		881,736,771,542	617,166,271,514
1 Vay và nợ ngắn hạn		311	V21	261,457,139,891	277,688,542,614
2 Phải trả người bán		312	V22	102,346,915,407	69,295,869,307
3 Người mua trả tiền trước		313	V23	14,811,607,679	6,509,573,223
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V24	143,512,011	22,587,302,977
5 Phải trả người lao động		315	V25	4,272,285,124	14,055,370,460
6 Chi phí phải trả		316	V26	130,222,364,300	96,894,361,572
7 Phải trả nội bộ		317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V27	297,339,321,285	65,432,864,774
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	V28	56,370,645,321	56,982,318,300
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		14,772,980,524	7,720,068,287
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II Nợ dài hạn		330		920,978,233,518	916,290,599,072
1 Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác		333	V29	717,317,183	857,354,183
4 Vay và nợ dài hạn		334	V30	908,774,896,024	903,181,681,890
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		11,486,020,311	12,251,562,999
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		4,449,180,839,606	4,620,232,063,277
I Vốn chủ sở hữu		410		4,449,180,839,606	4,620,232,063,277
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V31	1,161,379,940,000	1,161,379,940,000
2 Thặng dư vốn cổ phần		412	V31	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3 Vốn khác của chủ sở hữu		413	V31	69,388,382,902	69,388,382,902
4 Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển		417	V31	52,564,113,317	44,814,492,012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V31	49,450,048,410	41,700,427,105
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V31	644,923,880,577	831,474,346,858
10	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
11	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		6,251,895,844,666	6,153,688,933,863

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	215,967,642,955	254,468,035,727	423,045,109,824	462,750,942,349
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	215,967,642,955	254,468,035,727	423,045,109,824	462,750,942,349
4	Giá vốn hàng bán	213,135,430,650	249,161,778,146	407,546,216,575	451,054,788,994
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	2,832,212,305	5,306,257,581	15,498,893,249	11,696,153,355
6	Doanh thu hoạt động tài chính	105,652,889,602	155,110,261,446	195,425,126,628	191,587,911,463
7	Chi phí tài chính	42,124,294,928	101,175,505,234	98,289,002,788	97,636,622,593
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	16,599,742,173	18,643,016,162	32,109,080,656	36,416,631,418
8	Chi phí bán hàng	830,973,687	1,031,106,392	1,917,503,039	1,894,120,116
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,839,180,011	31,385,237,533	35,724,046,022	44,321,140,345
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41,690,653,282	26,824,669,868	74,993,468,029	59,432,181,764
11	Thu nhập khác	1,132,472,096	2,528,167,669	1,379,902,427	3,507,525,466
12	Chi phí khác	(15,360,910)	218,467,261	143,039,090	518,165,950
13	Lợi nhuận khác	1,147,833,006	2,309,700,408	1,236,863,337	2,989,359,516
14	Lợi nhuận trước thuế	42,838,486,288	29,134,370,276	76,230,331,366	62,421,541,280
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,776,343,346	64,094,560,871	3,371,709,636	64,232,132,082
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(382,681,344)	(73,644,540,237)	(765,542,688)	(73,208,777,099)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40,444,824,286	38,684,349,642	73,624,164,418	71,398,186,297


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 2 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76,230,331,366	62,421,541,280
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	31,888,109,034	32,906,647,025
- Các khoản dự phòng	03	(5,153,786,232)	42,920,437,885
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	20,983,712,803	3,152,973,852
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(181,674,348,362)	(179,341,283,290)
- Chi phí lãi vay	06	32,109,080,656	36,416,631,418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(25,616,900,734)	(1,523,051,830)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	79,734,069,501	56,754,007,986
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3,334,208,716)	(572,852,956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4,787,997,909)	7,977,556,830
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8,641,750,230)	6,970,174,933
- Tiền lãi vay đã trả	13	(643,836,648)	(16,451,486,203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20,603,401,371)	(36,589,819,663)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3,497,109,351	6,776,656,580
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(55,274,191,468)	(11,845,980,440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35,671,108,225)	11,495,205,237
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(83,271,088,110)	(6,451,440,747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9,090,909,090	2,269,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(929,191,000,000)	(67,997,320,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,106,952,683,638	84,900,000,000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(228,881,500,000)	(209,049,940,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	838,831,750,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	144,381,626,800	21,593,152,858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19,081,631,418	664,096,020,293
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	17,163,250,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	64,431,906,680	508,971,424,383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(78,059,243,270)	(335,388,322,798)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(1,915,292,698)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10,033,508,803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15,542,629,288)	180,712,842,782
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(32,132,106,096)	856,304,068,312
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	568,365,071,697	207,150,265,471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	114,178,426
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	536,232,965,601	1,063,568,512,209



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý 2 năm 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Quý 2 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định
Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm
05 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.354 VND/USD

30/06/2015 : 21.795 VND/USD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. **Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu**

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.347.101.824	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng	284.389.220.561	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	1.396.643.216	5.135.486
Các khoản tương đương tiền		
(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	247.100.000.000	333.870.000.000
Cộng	536.232.965.601	568.365.071.697

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.872.199.042	144.874.562.680
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.16)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	79.700.000.000	231.026.320.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	-	61.024.320.000
- Cho vay ngắn hạn	79.700.000.000	170.002.000.000
Cộng	706.972.199.042	858.300.882.680
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	(112.662.905.251)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.390.857.472)
Số cuối kỳ	<u>(116.053.762.723)</u>

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển...	273.118.031.744	283.746.504.590
Dịch vụ cho thuê tài sản	27.036.888.663	28.629.000.000
Cộng	<u>300.154.920.407</u>	<u>312.375.504.590</u>

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	6.021.434.386
Các nhà cung cấp khác	70.219.388.151	63.945.727.911
Cộng	<u>70.219.388.151</u>	<u>69.967.162.297</u>

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	22.651.682.473	29.571.349.439
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	245.313.242.964	318.704.872.075
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	129.058.721.013	213.322.634.679
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.772.376.845	4.680.026.659
- Gemadept (Singapore) Ltd. - tiền chi hộ	82.009.331.041	71.868.128.456
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	14.876.000.000	14.876.000.000
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	137.486.887	5.096.000
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	56.018.292	60.253.196
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco) – tiền chi hộ	1.562.182.347	1.378.568.347
- Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	10.000.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.659.507.685	1.332.545.884
Cổ tức, lợi nhuận được chia	337.136.084.156	290.752.453.504
Các khoản phải thu khác	15.198.805.935	14.668.532.511
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	2.857.268.808	3.528.948.416

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao - Transvina	2.000.000.000	2.500.000.000
- Bảo hiểm xã hội phải thu	-	786.995.084
- Các khoản phải thu khác	4.213.349.627	1.724.401.511
Cộng	623.299.815.528	656.697.207.529
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(4.040.680.540)	(4.040.680.540)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.792.724.771)	(2.792.724.771)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(11.000.000.000)
Cộng	(6.833.405.311)	(17.833.405.311)
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(17.833.405.311)	(11.773.637.000)
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	11.000.000.000	(6.059.768.311)
Số cuối kỳ	(6.833.405.311)	(17.833.405.311)
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	119.511.061
Chi phí văn phòng	151.321.141	-
Chi phí bảo hiểm	909.511.205	725.721.805
Công cụ, dụng cụ	207.566.003	1.108.499.660
Chi phí khác	785.344.643	131.576.712
Cộng	2.053.742.992	2.085.309.238
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	40.528.347.232	41.553.824.845
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	48.670.225.417	5.117.164.668
Cộng	89.198.572.649	46.670.989.513
10. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Tăng trong kỳ	-	4.264.819.940	87.578.846.070	-	91.843.666.010
Giảm trong kỳ	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	11.510.100	2.773.890	14.283.990
Số cuối kỳ	7.281.263.332	110.922.020.533	902.432.952.247	7.208.200.471	1.027.844.436.583
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Tăng trong kỳ	209.905.392	428.241.841	28.706.673.144	10.515.947	29.355.336.324
Giảm trong kỳ	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	8.549.958	2.571.479	11.121.437
Số cuối kỳ	6.045.008.176	106.994.568.982	512.810.438.311	7.203.859.673	633.053.875.142
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối kỳ	1.236.255.156	3.927.451.551	389.622.513.936	4.340.798	394.790.561.441

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 186.818.336.309 VND và 89.006.206.486 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21 và V.30).

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Tăng trong kỳ	14.412.789.665
Số cuối kỳ	29.005.337.261
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong kỳ	1.948.658.154
Số cuối kỳ	2.148.475.242

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối kỳ	26.856.862.019

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong kỳ	-	584.114.556	584.114.556
Số cuối kỳ	-	7.587.578.243	7.587.578.243
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối kỳ	1.250.403.410	2.620.504.500	3.870.907.910

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ ^(*)	59.128.096.918	1.159.469.952	21.334.813.212	38.952.753.658
Cộng	59.128.096.918	1.159.469.952	21.334.813.212	38.952.753.658

^(*) Chi phí mua cầu đã được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	35.000.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	100.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	13,15	78.900.000.000	77.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	82,35	468.125.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	63,16	656.164.600.000	569.867.100.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(v)	100,00	10,00	1.000.000.000	-
Cộng			2.534.095.749.428	2.310.538.249.428

(i) Tăng vốn điều lệ.

(ii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.30).

(iv) Tăng do góp vốn bổ sung.

(v) Trong kỳ, công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.144
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	34,04	83.745.403.136	83.745.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	50,00	50,00	6.324.000.000	1.000.000.000
Cộng			732.399.791.279	727.075.791.280

- (i) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

- (ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	165.581.032.000	165.581.032.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	161.291.300.000	161.291.300.000
Cho vay dài hạn	29.600.000.000	56.033.000.000
- Cho Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept vay	16.600.000.000	36.033.000.000
- Cho Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất vay	13.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	356.472.332.000	382.905.332.000

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(61.363.320.358)	(60.336.727.637)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(20.543.532.095)	(19.110.708.499)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.299.303.513)	(4.303.363.534)
Cộng	(199.778.587.966)	(197.323.231.670)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(197.323.231.670)	(151.714.320.602)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	(2.455.356.296)	(45.608.911.068)
Số cuối kỳ	(199.778.587.966)	(197.323.231.670)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trang trí nội thất	233.035.687	-	(83.195.085)	149.840.602
Chi phí mua phần mềm	15.193.757	121.550.000	(45.581.258)	91.162.499
Chi phí lãi thuê tài chính container	4.701.317.745	4.795.386.413	(738.458.577)	8.758.245.581
Chi phí khác	44.925.975	5.236.415.798	(612.800.815)	4.668.540.958
Cộng	4.994.473.164	10.153.352.211	(1.480.035.735)	13.667.789.640

20. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ thuê tàu	43.590.000.000	42.708.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	871.800.000	854.160.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.508.382.500	6.503.972.500
Cộng	50.970.182.500	50.066.132.500

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.058.687.251	42.032.907.834
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	16.742.870.969	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.607.984.234	27.888.511.523
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.707.832.048	14.144.396.311
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(iv)	234.398.452.640	229.655.634.780
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	-	6.000.000.000
- Chi nhánh Tân Thuận	-	-
Cộng	261.457.139.891	277.688.542.614

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo 80% bằng tín chấp và 20% bằng việc thế chấp 04 cầu bờ Liebherr.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (iv) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	24.863.388.726	16.030.716.090
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	19.493.929.600	14.290.346.068
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	252.969.063	54.036.257
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	4.741.583.039	1.456.483.427
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	258.179.017	118.790.792
- Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải	116.728.007	111.059.546
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	77.483.526.681	53.265.153.217
Cộng	102.346.915.407	69.295.869.307

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	14.811.607.679	6.509.573.223
Cộng	14.811.607.679	6.509.573.223

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	143.512.011	22.587.302.977
Cộng	143.512.011	22.587.302.977

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	112.999.241.779	81.533.997.926
Chi phí khác	17.223.122.521	15.360.363.646
Cộng	130.222.364.300	96.894.361.572

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	232.472.972.350	196.978.350
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.525.606.640	794.719.481
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	15.248.931.027	15.528.556.134
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	43.581.071.182	45.728.077.536
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – các khoản thu hộ và phải trả khác	12.177.610.242	21.085.413.395
- Gemadept (Singapore) Ltd. - tiền mượn	410.212.517	
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept – các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
- Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng – tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh khác	8.357.778.055	2.007.193.773
Các khoản phải trả khác	4.510.740.086	3.184.533.273
Cộng	297.339.321.285	65.432.864.774

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****29. Phải trả dài hạn khác**

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

30. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	30.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông		
- Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. ⁽ⁱ⁾	871.800.000.000	854.160.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	36.974.896.024	19.021.681.890
Cộng	908.774.896.024	903.181.681.890

⁽ⁱ⁾ Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay	:	40.000.000,00 USD
Thời gian ân hạn	:	05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc	:	Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Lãi suất	:	Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
Mục đích vay	:	- Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ. - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng. - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
Tài sản đảm bảo	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm: - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông; - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

31. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.161.379.940.000	1.161.379.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	52.564.113.317	44.814.492.012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	49.450.048.410	41.700.427.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	644.923.880.577	831.474.346.858
Cộng	4.449.180.839.606	4.620.232.063.277

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	423.045.109.824	462.750.942.349
Cộng	423.045.109.824	462.750.942.349

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	407.546.216.575	451.054.788.994
Cộng	407.546.216.575	451.054.788.994

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.278.339.370	532.945.778
Lãi cho vay vốn	8.006.047.871	8.557.505.577

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia	176.554.617.715	149.758.324.000
Lãi chuyển nhượng vốn trong Công ty con	-	27.327.676.124
Lãi chuyển nhượng Công ty liên kết	-	3.935.490.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.586.121.672	1.475.969.984
Cộng	195.425.126.628	191.587.911.463

4. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.109.080.656	36.416.631.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.629.029.644	5.173.475.610
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	5.846.213.768	42.920.437.885
Lỗ đầu tư chứng khoán	51.585.197	-
Chi phí tài chính khác	30.653.093.523	13.126.077.680
Cộng	98.289.002.788	97.636.622.593

5. Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.917.503.039	1.894.120.116
Cộng	1.917.503.039	1.894.120.116

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.037.627.384	21.636.128.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.487.346.971	2.458.516.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài, khác	14.199.071.667	20.226.495.059
Cộng	35.724.046.022	44.321.140.345

7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý tài sản cố định, thanh lý khác	999.999.999	2.809.818.182
Các khoản thu nhập khác	379.902.428	697.707.284
Cộng	1.379.902.427	3.507.525.466

8. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	334.633.874
Các khoản chi phí khác	143.039.090	183.532.076
Cộng	143.039.090	518.165.950

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.222.422.773	147.039.371.988
Chi phí nhân công	41.330.387.750	45.754.755.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.888.109.034	32.906.647.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.904.669.324	264.697.473.160
Chi phí khác	2.842.176.755	6.871.801.371
Cộng	445.187.765.636	497.270.049.455

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Thanh lý tài sản cố định	-	490.909.901
Lãi cho vay	781.291.667	-
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Góp vốn	27.500.000.000	-
Cổ tức được chia	754.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	245.665.673	444.450.237
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Chi hộ	10.141.202.585	8.424.518.525
Chi phí dịch vụ	25.634.516.175	9.635.082.500
Thu hộ	410.212.517	-
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho vay	45.000.000.000	-
Chi hỗ trợ vốn	-	14.600.000.000
Chi phí dịch vụ	7.753.353.267	28.459.423.675
Chi hộ	82.080.025	1.373.914.307
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	11.852.174.774	10.231.418.389
Lãi cho vay	2.572.150.000	-
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Lãi cho vay	1.498.895.650	2.611.364.389
Doanh thu vận tải	2.805.111.430	5.242.870.861
Chi phí dịch vụ	33.146.732.919	24.952.474.978
Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	78.000.000.000
Góp vốn	20.000.000.000	-
Chi hộ	2.013.407.671	1.845.000
Cho vay	-	18.973.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng**

Thu hộ	-	66.877.313
Mượn tiền	-	8.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	26.478.386.192	37.255.153.815
Chi phí dịch vụ	29.676.762.326	34.129.619.702
Chi hộ	16.533.000	3.046.000
Cổ tức được chia	4.000.000.000	

Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ

Doanh thu cho thuê	2.160.000.000	2.160.000.000
Cổ tức được chia	9.025.200.000	-

Công ty cổ phần cảng Nam Hải

Cổ tức được chia	96.570.599.058	70.000.000.000
Lãi cho vay		588.272.222
Doanh thu dịch vụ	2.746.349.798	3.060.021.436
Chi phí dịch vụ	660.933.715	319.620.979

Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương

Chi hộ	83.614.000	202.402.000
Góp vốn	1.400.000.000	2.100.000.000

Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín

Chi hộ	628.545.040	346.557.645
--------	-------------	-------------

Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương

Chi hộ	61.331.130	778.876.647
Góp vốn	87.360.000.000	

Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link

Doanh thu dịch vụ	151.350.000	62.920.000
-------------------	-------------	------------

Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng

Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	2.142.000.000
----------------------	---	---------------

Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ

Góp vốn	-	120.000.000.000
Cho vay	-	48.000.000.000
Lãi cho vay	3.092.599.443	4.751.404.319
Doanh thu cho thuê tài sản	2.454.545.455	-
Chi phí dịch vụ	552.733.445	665.303.779

Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn

Chi phí dịch vụ	196.691.012	191.485.956
Góp vốn	-	55.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Góp vốn	-	55.000.000.000
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	86.297.500.000	126.189.800.000
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-
<i>Công ty TNHH Golden Globe</i>		
Góp vốn	-	760.140.000
<i>Công ty TNHH MOLENBERGNATIE-GEMADEPT VIỆT NAM</i>		
Doanh thu dịch vụ	275.459.000	-
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	125.313.761	78.424.100
<i>Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm</i>		
Cổ tức được chia	209.126.000	159.289.000
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept</i>		
Góp vốn	5.324.000.000	-
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	1.000.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Phải thu lãi cho vay	781.291.667	478.361.111
Cho vay	13.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu cổ tức	9.987.284.157	
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	-	300.000.000
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	15.052.330.974	16.302.999.421

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải thu phí dịch vụ	141.739.380.872	133.350.263.078
Các khoản chi hộ	82.009.331.041	71.868.128.456
Ký quỹ thuê tàu	43.590.000.000	42.708.000.000
<i>Grand Pacific Shipping</i>		
Các khoản chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải thu phí dịch vụ	25.264.371.469	22.154.158.334
Ứng trước tiền dịch vụ	-	6.021.434.386
Cho vay	79.700.000.000	49.200.000.000
Phải thu khác	-	-
Phải thu cổ tức	8.000.000.000	
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu phí dịch vụ	1.619.370.624	3.366.000.000
Lợi nhuận được chia	203.650.000.000	170.650.000.000
Cho vay	16.600.000.000	36.033.000.000
Chi hộ khác	137.486.887	5.096.000
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu phí dịch vụ	676.296.879	5.320.270.576
Các khoản chi hộ	56.018.292	60.253.196
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	7.128.000.000	4.752.000.000
Cổ tức được chia	14.848.800.000	5.823.600.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	14.876.000.000	14.876.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải thu phí dịch vụ	1.700.984.778	
Cổ tức được chia	94.999.999.999	113.385.153.504
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	221.762.635	96.448.874
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.137.745.050	509.200.010
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.562.182.347	1.378.568.347

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	129.058.721.013	213.322.634.679
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	4.772.376.845	4.680.026.659
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	1.500.000.000	998.572.778
Cho vay	-	110.802.000.000
<i>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</i>		
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm</i>		
Phải thu khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MOLENBERGNATIE- GEMADEPT Việt Nam		
Phải thu phí dịch vụ	303.004.900	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept</i>		
Phải thu các khoản chi hộ	-	126.897.000
Cộng nợ phải thu	<u>931.104.359.283</u>	<u>1.060.944.385.263</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải trả các khoản thu hộ	952.588.944	942.227.649
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải trả khác	410.212.517	-
Phải trả tiền thuê tàu	3.075.071.999	-
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả phí dịch vụ	4.811.201.357	1.456.483.427
Phải trả khác	420.115.987	301.407.658
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả khác	6.985.073.124	763.558.466
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Phải trả phí dịch vụ	19.493.929.638	14.290.346.068
Các khoản thu hộ và phải trả khác	12.177.610.242	21.085.413.395
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	258.179.017	118.790.792
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Phải trả phí dịch vụ	252.969.063	54.036.257
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Phải trả khác	8.279.000.000	8.279.000.000
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Phải trả phí dịch vụ	2.937.264	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Vay ngắn hạn	234.398.452.751	229.655.634.780
Công ty TNHH MTV Logistic Biển Sáng		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam		
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	111.059.546
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Cộng nợ phải trả	<u>305.873.812.271</u>	<u>291.414.428.406</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2015


Trương Như Nguyên
Người lập biểu
Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc